

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

CAO NGUYỄN HÙNG

BẢO VỆ QUYỀN ĐỐI VỚI DỮ LIỆU CÁ NHÂN
TRONG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ CẤP TỈNH
Ở VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI
MÃ SỐ: Đào tạo thí điểm

HÀ NỘI - 2026

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS Vũ Trọng Lâm



2. TS Trần Thị Hồng Hạnh



Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án,
họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
vào hồi giờ ngày tháng.....năm.....**

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

HÀ NỘI - 2026

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việc nghiên cứu và lựa chọn đề tài: ***“Bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam”*** ở cấp độ luận án tiến sĩ chuyên ngành Pháp luật về quyền con người là yêu cầu cần thiết, xuất phát từ những lý do cơ bản sau đây:

Một là, Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra sâu rộng, dữ liệu nói chung, đặc biệt là dữ liệu cá nhân (DLCN) đã trở thành nguồn tài nguyên quan trọng, có vai trò nền tảng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới quản trị quốc gia và xây dựng chính quyền số. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã xác định chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ số, chính quyền số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, mang tính chiến lược lâu dài, nhất là giai đoạn 2026 - 2030. Các địa phương, nhất là chính quyền số cấp tỉnh giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống quản trị nhà nước ở Việt Nam và đang triển khai mạnh mẽ việc xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, trung tâm dữ liệu, nền tảng số và các hệ thống chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước.

Hai là, quy mô và mức độ xử lý DLCN ngày càng lớn, trong khi năng lực quản trị dữ liệu, nguồn nhân lực, điều kiện kỹ thuật và cơ chế kiểm soát ở nhiều địa phương vẫn còn những hạn chế nhất định. Điều này làm gia tăng nguy cơ phát sinh các hành vi xâm phạm quyền đối với DLCN và đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện cơ sở lý luận, pháp luật và cơ chế bảo đảm thực thi quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh.

Ba là, bảo vệ quyền đối với DLCN là yêu cầu nội tại của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, nơi quyền con người (QCN), quyền công dân được tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Việt Nam đang quá trình đẩy mạnh chuyển đổi số và hoàn thiện hành lang pháp lý về quyền dữ liệu, nhằm tham gia sâu vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và hợp tác quốc tế, vì vậy, cần chuẩn hóa quy trình bảo vệ dữ liệu theo các tiêu chuẩn chặt chẽ. Trên cơ sở đó, nhiều văn bản pháp luật đã được ban hành nhằm bảo vệ thông tin cá nhân và bảo đảm an toàn dữ liệu trong môi trường số. Đặc biệt, việc Quốc hội thông qua Luật Bảo vệ DLCN và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đã đánh dấu bước phát triển quan trọng trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật về QCN trong môi trường số ở Việt Nam.

Bốn là, từ góc độ khoa học pháp lý, mặc dù đã có một số công trình nghiên cứu về DLCN, bảo vệ DLCN, quyền riêng tư, chính phủ điện tử hoặc chính quyền số, song các nghiên cứu chuyên sâu, có tính hệ thống về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam còn tương đối hạn chế. Đặc biệt, chưa có nhiều công trình tiếp cận vấn đề này dưới góc độ QCN, gắn với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện chuyển đổi số quốc gia và triển khai Luật Bảo vệ DLCN trong thực tiễn hoạt động của chính quyền địa phương; nhất là về Bảo vệ quyền đối với

DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay. Chính khoảng trống này làm nổi bật ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam, luận án sẽ đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh nhằm góp phần hoàn thiện về mặt lý luận; từ đó đề xuất các giải pháp hiệu quả về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay, bảo đảm sự cân bằng giữa mục tiêu phát triển công nghệ quản trị với mục tiêu tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy QCN, quyền công dân (QCD).

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, nghiên cứu tổng quan những công trình khoa học có liên quan đến bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam và trên thế giới, nhằm đánh giá những nội dung đã được nghiên cứu, đồng thời chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu của đề tài.

Hai là, nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận cơ bản về quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số, gồm: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, phương thức, các yếu tố tác động, pháp luật quốc tế, pháp luật của một số quốc gia trên thế giới và những giá trị tham khảo cho Việt Nam; mối liên hệ với quyền riêng tư, QCN trong bối cảnh chuyển đổi số.

Ba là, nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn bảo vệ DLCN trong quá trình xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay, từ đó nhận diện các bất cập, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế.

Bốn là, đề xuất các quan điểm, giải pháp, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật và nâng cao năng lực thực thi nhằm bảo vệ tốt hơn quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hệ thống các quan hệ xã hội, các quan điểm lý luận, quy định pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật về bảo vệ quyền đối với DLCN trong tiến trình xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam. Cụ thể:

Về mặt lý luận: Nghiên cứu hệ thống quan điểm học thuật, tư tưởng pháp lý về quyền đối với DLCN dưới góc độ QCN, QCD; nội hàm, đặc điểm, các nguyên tắc và tiêu chí bảo đảm quyền này trong môi trường quản trị công ở cấp độ địa phương.

Về mặt thể chế pháp lý: Nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, trọng tâm là Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, Luật số 91/2026/QH15 về Bảo vệ DLCN và

các văn bản hướng dẫn thi hành, các quy định liên quan đến cấu trúc chính quyền số cấp tỉnh.

Về mặt thực tiễn: Nghiên cứu thực trạng tổ chức thực hiện pháp luật, những rào cản, xung đột lợi ích, các hành vi vi phạm và bất cập trong cơ chế vận hành hệ thống chính quyền số cấp tỉnh hiện nay dưới góc độ bảo vệ QCN.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu khía cạnh bảo vệ quyền đối với DLCN trong quá trình triển khai chính quyền số ở cấp tỉnh, dựa trên những quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam. Luận án hướng đến khía cạnh bảo vệ quyền đối với DLCN giữa Công dân (Chủ thể mang quyền) và Chính quyền địa phương cấp tỉnh (Chủ thể mang nghĩa vụ bảo vệ quyền).

- *Về không gian:* Luận án giới hạn nghiên cứu về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam. Phân tích chính sách, pháp luật ở cấp quốc gia, đi sâu đánh giá thực tiễn triển khai ở một số địa phương đại diện.

- *Về thời gian:* Luận án tập trung nghiên cứu thực trạng thực thi pháp luật trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

4.1. Cơ sở lý luận: Đề tài được thực hiện dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về QCN, QCD.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu được sử dụng làm nền tảng cho toàn bộ quá trình nghiên cứu; cùng các phương pháp: phân tích - tổng kê - tổng hợp; so sánh; phỏng vấn/tham vấn chuyên gia, nhà quản lý; hệ thống hóa - logic và quy nạp; nghiên cứu điển hình và phương pháp luận biên chứng được vận dụng để xem xét vấn đề bảo vệ quyền đối với DLCN trong mối quan hệ tương tác giữa yêu cầu phát triển chính quyền số và yêu cầu bảo vệ QCN, QCD.

5. Những đóng góp mới của đề tài

Thứ nhất, luận án góp phần hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về bảo vệ quyền đối với DLCN trong bối cảnh xây dựng chính quyền số cấp tỉnh, làm rõ các khái niệm cốt lõi, nguyên tắc, nội dung quyền và phương thức bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh trong điều kiện liên thông dữ liệu, số hóa quy trình thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Thứ hai, luận án xây dựng và phát triển khung phân tích pháp lý - quản trị đa tầng để nghiên cứu và đánh giá hiệu quả bảo vệ quyền đối với DLCN trong chính quyền số cấp tỉnh, bao gồm: pháp luật quốc tế về QCN và quyền riêng tư; pháp luật và thể chế quốc gia về bảo vệ DLCN và quản trị dữ liệu trong cơ quan nhà nước; tầng vận hành ở địa phương gắn với mô hình tổ chức, quy trình nghiệp vụ và hạ tầng kỹ thuật số. Từ đó, luận án làm rõ

mối quan hệ giữa quyền của chủ thể dữ liệu (người dân) và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia xử lý dữ liệu (cơ quan quản lý), qua đó nhấn mạnh yêu cầu trách nhiệm giải trình, minh bạch và kiểm soát quyền lực dữ liệu trong khu vực công.

Thứ ba, luận án thực hiện nghiên cứu so sánh có chọn lọc thông qua các nghiên cứu pháp luật quốc tế về quyền đối với DLCN và pháp luật một số quốc gia điển hình của Đức, Liên bang Nga và Trung Quốc, Singapo, Thái Lan, qua đó rút ra các bài học có giá trị tham khảo cho Việt Nam.

Thứ tư, trên cơ sở đánh giá thực trạng ở cấp tỉnh, luận án chỉ ra các hạn chế và thách thức đặc thù trong bảo vệ quyền đối với DLCN, tập trung vào các vấn đề như: nguy cơ tái sử dụng dữ liệu vượt mục đích trong liên thông dữ liệu; thiếu minh bạch đối với chủ thể dữ liệu; hạn chế về cơ chế thực thi quyền (tiếp cận, chỉnh sửa, hạn chế xử lý, phản đối, rút lại sự đồng ý khi áp dụng); bất cập trong truy vết và chứng minh vi phạm; cũng như hiệu lực răn đe và cơ chế khôi phục quyền, khắc phục hậu quả. Từ đó, luận án cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh, phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng quy chế vận hành và nâng cao năng lực thực thi ở địa phương.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa lý luận: Luận án là công trình nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở nước ta; cung cấp nhiều kiến thức, thông tin, luận điểm và đề xuất mới có giá trị tham khảo với việc thúc đẩy quyền này ở nước ta trong thời gian tới.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn: Luận án là tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy, nghiên cứu chuyên ngành QCN ở Viện Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ sở đào tạo khác của nước ta.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án được kết cấu thành 4 chương, gồm:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Chương 2: Cơ sở lý luận về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

Chương 3: Thực trạng bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam

Chương 4: Quan điểm, giải pháp bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về Chính phủ điện tử, chính quyền số trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia

Các công trình nghiên cứu đã tiếp cận tương đối toàn diện các vấn đề về khái niệm, đặc trưng, vai trò, mô hình và giải pháp xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số và chính quyền số ở Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào khía cạnh quản trị, tổ chức bộ máy, hạ tầng công nghệ và cải cách hành chính, trong khi vấn đề bảo vệ quyền đối với DLCN trong quá trình xây dựng chính quyền số, đặc biệt ở cấp tỉnh, mới chỉ được đề cập gián tiếp, chưa trở thành đối tượng nghiên cứu chuyên sâu dưới góc độ pháp lý. Đây là khoảng trống nghiên cứu mà luận án hướng tới làm rõ.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về bảo vệ DLCN và bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu về bảo vệ DLCN trong xây dựng chính quyền số

Các công trình nghiên cứu như: Luận án, nhóm sách chuyên khảo, sách tham khảo và kỷ yếu hội thảo khoa học... nhìn chung mới tiếp cận bảo vệ DLCN ở bình diện chung hoặc so sánh pháp luật, chưa làm rõ một cách hệ thống vấn đề bảo vệ quyền đối với DLCN trong quá trình xây dựng và vận hành chính quyền số, đặc biệt ở cấp tỉnh. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà đề tài tập trung làm rõ.

1.1.2.2. Công trình nghiên cứu về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số

Các công trình nghiên cứu trong nước, nhóm sách chuyên khảo, sách tham khảo và giáo trình đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nền tảng lý luận cho nghiên cứu bảo vệ quyền đối với DLCN, đặc biệt khi đặt trong bối cảnh xây dựng chính quyền số. Tuy nhiên, xét riêng trong khuôn khổ nghiên cứu bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng và vận hành chính quyền số, vẫn đặt ra yêu cầu tiếp tục hệ thống hóa trong không gian quản trị công.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước liên quan đến đề tài luận án

1.2.1. Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước về Chính phủ điện tử, chính quyền số

Trong nghiên cứu quốc tế đã góp phần hình thành nền tảng học thuật quan trọng cho việc lý giải bản chất, đặc trưng và yêu cầu phát triển của Chính phủ số trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu. Tuy nhiên, còn hạn chế; thiếu các nghiên cứu định lượng, định

tính có hệ thống về mức độ hài lòng và tương tác của người dân; chưa đề cập đầy đủ đến các rủi ro và thách thức và nguy cơ xâm phạm QCN trong môi trường số. Đây chính là khoảng trống khoa học mà luận án hướng tới làm rõ trong bối cảnh xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu nước ngoài về bảo vệ DLCN và bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số

1.2.2.1. Các công trình nghiên cứu nước ngoài về bảo vệ DLCN

Các công trình nghiên cứu tiếp cận theo những hướng chủ đạo, từ nền tảng lý luận về quyền riêng tư, đến xây dựng chuẩn mực pháp lý quốc tế, mô hình pháp luật khu vực và gắn với quản trị dữ liệu trong khu vực công và chính quyền số. Tuy nhiên, việc chuyển hóa các kết quả nghiên cứu này vào bối cảnh xây dựng và vận hành chính quyền số ở từng quốc gia, đặc biệt ở cấp địa phương, vẫn đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu nhằm bảo đảm sự phù hợp và hiệu quả trong bảo vệ quyền đối với DLCN.

1.2.2.2. Các công trình nghiên cứu về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số

Các công trình nghiên cứu không chỉ tiếp cận từ góc độ kỹ thuật số hóa khu vực công, mà còn mở rộng sang quản trị dữ liệu, trách nhiệm giải trình của Nhà nước, bảo vệ QCN trên không gian mạng và kiểm soát rủi ro phát sinh từ công nghệ mới.

1.3. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

1.3.1. Đánh giá chung các công trình nghiên cứu trước và khoảng trống học thuật

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến bảo vệ DLCN và chính quyền số đã đặt nền móng quan trọng, song dưới lăng kính phản biện khoa học, các nghiên cứu này vẫn bộc lộ những giới hạn lý luận và để lại các khoảng trống học thuật cốt lõi như: (1) Thiếu hụt nền tảng lý luận về “cơ chế bảo đảm thực thi quyền” trong khu vực công; (2) Khoảng trống về một “Khung mô hình lý luận và cơ chế bảo đảm” đặc thù cho cấp chính quyền địa phương; (3) Sự chia cắt giữa các phương thức bảo vệ pháp lý, tổ chức và kỹ thuật.

Hướng giải quyết và đóng góp mới của Luận án: Chính những khoảng trống lý luận về “cơ chế bảo đảm thực thi quyền” nêu trên là dư địa và mục tiêu trọng tâm mà Luận án tập trung giải quyết: (1) Xây dựng một Khung mô hình lý luận toàn diện về cơ chế bảo đảm quyền đối với DLCN tại chính quyền số cấp tỉnh, thông qua hệ thống các nguyên tắc kiểm soát quyền lực dữ liệu và các phương thức bảo vệ đồng bộ; (2) Đánh giá, kiểm định

toàn diện thực trạng lập quy, thực thi tại địa phương, từ đó đề xuất mô hình, giải pháp đồng bộ có tính khả thi cao tại Việt Nam hiện nay.

1.3.2. Những nội dung luận án tiếp tục nghiên cứu

(1) Xây dựng Khung mô hình lý luận toàn diện về cơ chế bảo đảm quyền đối với DLCN tại chính quyền số cấp tỉnh; (2) Phân tích đối chiếu kinh nghiệm lập pháp và mô hình thực thi quốc tế; (3) Kiểm định thực trạng lập quy và thực thi bảo vệ quyền đối với DLCN tại chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam; (4) Đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ và mô hình bảo đảm thực thi quyền khả thi tại Việt Nam.

1.4. Giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu

1.4.1. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu của Luận án cho rằng: Hiệu quả bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh hiện nay bị hạn chế không phải do rào cản kỹ thuật - công nghệ thuần túy, mà xuất phát từ khoảng trống thể chế và tư duy quản lý hành chính; cụ thể là sự thiếu hụt cơ chế kiểm soát quyền lực công trong xử lý dữ liệu và sự thụ động của công dân trong việc tự vệ số. Do đó, hiệu quả bảo vệ quyền đối với DLCN tại chính quyền số cấp tỉnh chỉ có thể đạt được một cách thực chất và bền vững khi thực hiện sự chuyển dịch từ tư duy quản lý hành chính sang tiếp cận dựa trên QCN, thông qua 03 trụ cột pháp lý cốt lõi: Đối với cơ quan Nhà nước; đối với công dân và đối với cơ chế bảo đảm.

1.4.2. Câu hỏi nghiên cứu

Luận án tập trung trả lời các câu hỏi về Cơ sở lý luận và tiêu chuẩn pháp lý quốc tế, quốc gia về bảo vệ quyền đối với DLCN dưới tiếp cận QCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam; nội dung và phương thức; thực trạng, hạn chế, nguyên nhân trong thực thi bảo vệ quyền DLCN tại chính quyền số cấp tỉnh. Đồng thời, xác định giải pháp đột phá bảo vệ quyền đối với DLCN ở Việt Nam trong thời gian tiếp theo.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN ĐỐI VỚI DỮ LIỆU CÁ NHÂN TRONG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ CẤP TỈNH

2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

2.1.1. Khái niệm bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

2.1.1.1. Khái niệm dữ liệu cá nhân

“DLCN có nghĩa là bất kỳ thông tin liên quan đến một người được xác định hoặc có thể xác định; một người có thể được xác định, trực tiếp hoặc gián tiếp, đặc biệt bằng cách tham chiếu đến một số nhận dạng, cho một hoặc nhiều yếu tố đặc trưng cho bản sắc của họ về thể chất, sinh lý, tâm thần, kinh tế, văn hóa, xã hội”

2.1.1.2. Khái niệm quyền đối với DLCN

Quyền đối với DLCN là một quyền xuất hiện và phát triển mạnh trong bối cảnh xã hội số, thường được nhìn nhận như một cấu phần trung tâm của quyền riêng tư, QCN cơ bản bảo đảm tính tự chủ, phẩm giá và “không gian cá nhân” của mỗi con người.

2.1.1.3. Khái niệm về bảo vệ quyền đối với DLCN

Chủ thể DLCN: Là người được DLCN phản ánh theo Khoản 5 Điều 2 Luật Bảo vệ DLCN 2025.

Bảo vệ quyền đối với DLCN: Là tổng thể các biện pháp pháp lý, kỹ thuật và tổ chức nhằm đảm bảo cá nhân có các quyền đối với DLCN của mình và ngăn chặn mọi sự xâm phạm trái phép đến quyền đó.

Khái niệm chính quyền địa phương cấp tỉnh: Là cấp trung gian then chốt, vừa mang tính chất đại diện cho nhân dân địa phương, vừa thực thi quyền hành pháp của Nhà nước trên một địa bàn lãnh thổ cụ thể.

2.1.1.4. Khái niệm chính quyền số và chính quyền số cấp tỉnh

“Chính quyền số” là mô hình chính quyền vận hành chủ yếu dựa trên ứng dụng công nghệ số nhằm liên tục đổi mới phương thức quản trị, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy.

Chính quyền số cấp tỉnh là mô hình chính quyền địa phương ở cấp tỉnh trong đó các cơ quan của chính quyền cấp tỉnh, nòng cốt là Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, tổ chức vận hành và thực thi nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu trên môi trường số, dựa trên hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các ứng dụng công nghệ số để cải tiến quy trình quản trị, tăng cường năng lực điều hành dựa trên dữ liệu, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công, bảo đảm tính minh bạch và khả năng tương tác với người dân, doanh nghiệp, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở phạm vi cấp tỉnh.

1.1.1.5. Khái niệm bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

Là tổng thể các quá trình tổng hợp, đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ giữa quy định pháp luật, tổ chức thực thi, giải pháp kỹ thuật và cơ chế bảo đảm quyền của chủ thể dữ liệu, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển chính quyền số, lấy con người làm trung tâm, đồng thời bảo đảm quản trị nhà nước hiệu quả trong môi trường số.

2.1.1.6. Phân biệt quyền đối với DLCN với các khái niệm liên quan

Để phân biệt rõ quyền đối với DLCN với các khái niệm liên quan, như: Quyền đối với DLCN với bảo vệ DLCN; Bảo vệ DLCN với An toàn thông tin và An ninh mạng; bảo vệ DLCN với quản trị dữ liệu. Do đó, Bảo vệ DLCN chính là khung giới hạn pháp lý bắt buộc đối với Quản trị dữ liệu số công quyền.

2.1.2. Đặc điểm của bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

2.1.2.1. Mang tính cân bằng pháp lý giữa yêu cầu tối ưu hoá quản trị công vụ và bảo đảm quyền tự quyết thông tin của công dân

Đặc điểm này phản ánh việc áp dụng nguyên tắc tương xứng trong kiểm soát quyền lực nhà nước. Bất kỳ sự can thiệp, thu thập hay chia sẻ DLCN nào của chính quyền cấp tỉnh phục vụ mục đích công cộng chỉ được coi là hợp pháp khi bảo đảm tính cần thiết, tối thiểu và có mục đích chính đáng.

2.1.2.2. Mang tính chất giải quyết “bất cân xứng quyền lực” giữa Chính quyền địa phương và Công dân trên môi trường số

Đặc điểm này xuất phát từ bản chất của mối quan hệ pháp lý giữa Chủ thể mang quyền (Công dân) và Chủ thể mang nghĩa vụ (Chính quyền cấp tỉnh).

Về phía Chính quyền: Việc tích hợp, tập trung hóa dữ liệu quy mô lớn tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tạo ra tiềm ẩn nguy cơ giám sát quá đà hoặc làm lộ lọt dữ liệu diện rộng.

Về phía Công dân: Người dân thường ở thế yếu thế, thiếu công cụ tương tác pháp lý và gặp rào cản về năng lực số để thực thi các quyền tự vệ. Do đó, cần có sự cân bằng quyền lực và bảo vệ vị thế của công dân trước cơ quan công quyền.

2.1.2.3. Được thực hiện thông qua cơ chế phân định trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm giải trình công vụ đa bên

Bảo vệ quyền dữ liệu trong khu vực công cấp tỉnh không còn là quan hệ đơn phương truyền thống giữa Nhà nước và Công dân, mà còn các doanh nghiệp công nghệ (*Bên thứ ba được ủy quyền*).

2.1.2.4. Đảm bảo tính thống nhất của tiêu chuẩn QCN quốc gia nhưng chịu sự chi phối bởi đặc thù thực thi ở địa phương

Đây là biểu hiện của mối quan hệ giữa tính thống nhất của thể chế (Hiến pháp, Luật và các điều ước quốc tế) và tính linh hoạt trong quản trị địa phương; cấp tỉnh phải cụ thể

hóa quy trình thực thi sao cho vừa phù hợp với điều kiện địa phương, vừa giữ vững chuẩn mực bảo vệ QCN của quốc gia.

2.1.3. Vai trò của bảo vệ quyền đối với DLCN khi xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

Thứ nhất, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp của hoạt động quản trị dữ liệu trong khu vực công. *Thứ hai*, cơ sở để tạo lập và duy trì niềm tin số giữa chính quyền cấp tỉnh với người dân, doanh nghiệp. *Thứ ba*, góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước và hiệu quả cung ứng các dịch vụ công. *Thứ tư*, yêu cầu tất yếu trong hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế địa phương. *Thứ năm*, nhân tố quan trọng để phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng, an toàn thông tin và rủi ro vận hành của hệ thống chính quyền số cấp tỉnh.

2.2. Nội dung, phương thức và các yếu tố tác động đến bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

2.2.1. Nội dung quyền và nội dung bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

2.2.1.1. Nội dung quyền đối với DLCN của công dân trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

Quyền đối với DLCN của công dân trong mối quan hệ với chính quyền số cấp tỉnh là tập hợp các quyền năng pháp lý thuộc Quyền tự quyết thông tin, hệ thống quyền này trong môi trường chính quyền số cấp tỉnh cấu thành bởi 03 nhóm quyền năng cốt lõi: (1). Nhóm quyền tiếp cận và xử lý thông tin; (2). Nhóm quyền can thiệp và can thiệp số; (3). Nhóm quyền tự vệ và hỗ trợ pháp lý

2.2.1.2. Nội dung bảo vệ quyền đối với DLCN của chính quyền số cấp tỉnh

Bảo vệ quyền đối với DLCN là quá trình Chính quyền số cấp tỉnh thực hiện nghĩa vụ quốc gia về QCN thông qua hệ thống 6 nhóm quyền của công dân thông qua các trụ cột chính sau: (1). Bảo đảm các nguyên tắc pháp lý tối thiểu trong xử lý dữ liệu; (2). Phân định rạch ròi trách nhiệm pháp lý của các chủ thể tham gia quan hệ dữ liệu; (3). Thực hiện các biện pháp an ninh, an toàn kỹ thuật và quản trị nội bộ; (4). Giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa “Liên thông chia sẻ dữ liệu” và “Kiểm soát bảo mật an toàn”; (5) Vận hành cơ chế kiểm soát, thanh tra, kiểm tra và nâng cao năng lực thực thi.

2.2.2. Phương thức bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

2.2.2.1. Phương thức xây dựng chính sách, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền đối với DLCN tại địa phương

Về mặt lý luận, phương thức này cấu thành từ ba nội hàm cốt lõi sau: *Thứ nhất*, địa phương hóa chuẩn mực pháp lý trung ương vào bối cảnh quản trị vùng; *Thứ hai*, đồng bộ hóa quy trình kỹ thuật - công nghệ với quy phạm pháp lý; *Thứ ba*, xác lập thể chế trách nhiệm và chế tài phục hồi quyền năng;

2.2.2.2. Phương thức tổ chức bộ máy và xác lập cơ chế quản lý nội bộ về bảo vệ quyền DLCN trong chính quyền số cấp tỉnh

Thứ nhất, mô hình hóa vai trò chủ thể và phân định trách nhiệm pháp lý theo thực quyền. *Thứ hai*, xác lập cấu trúc chuyên trách và cá thể hóa trách nhiệm hành chính. *Thứ ba*, quy trình hóa quyền hạn tối thiểu và lưu vết công vụ khép kín.

2.2.2.3. Phương thức sử dụng biện pháp hạ tầng kỹ thuật, công nghệ và quản trị dữ liệu hiện đại

Phương thức này được cấu thành từ bốn trụ cột kỹ thuật nền tảng: *Thứ nhất*, mã hóa dữ liệu đa trạng thái dưới nguyên lý cô lập rủi ro; *Thứ hai*, cơ chế kiểm soát truy cập dựa trên nguyên tắc “Quyền hạn tối thiểu” và triết lý Zero Trust; *Thứ ba*, công nghệ giám sát và ghi vết tự động tạo lập chứng cứ bất biến; *Thứ tư*, kỹ thuật ẩn danh hóa trong quản trị vòng đời dữ liệu thông minh;

2.2.2.4. Phương thức thực hiện cơ chế thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại

Về mặt lý luận, phương thức này vận hành dựa trên 03 cơ chế: *Thứ nhất*, cơ chế thanh tra, kiểm tra công vụ dựa trên nguyên tắc trách nhiệm giải trình bắt buộc; *Thứ hai*, hệ thống chế tài phân lớp mang tính răn đe; *Thứ ba*, hoàn thiện cơ chế bồi thường thiệt hại toàn diện và khôi phục trạng thái quyền năng.

2.2.2.5. Phương thức truyền thông và giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, năng lực số của xã hội về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Phương thức truyền thông, giáo dục là phương thức bảo vệ chủ động thông qua hai cấu phần: *Thứ nhất*, tạo lập năng lực số và cơ chế tự bảo vệ của chủ thể dữ liệu (Công dân); *Thứ hai*, định hình văn hóa tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp dữ liệu trong khu vực công.

2.2.2.6. Phương thức hợp tác quốc tế và chia sẻ thông tin có kiểm soát

Phương thức thông qua 03 nội hàm: *Thứ nhất*, nội hóa các chuẩn mực pháp lý và công nghệ phổ quát toàn cầu; *Thứ hai*, thiết lập màng lọc pháp lý và phân quyền trong cơ chế chia sẻ dữ liệu; *Thứ ba*, cơ chế phối hợp đa tầng và phản ứng nhanh trước rủi ro an ninh phi biên giới.

2.2.3. Các yếu tố tác động đối với bảo vệ quyền DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

2.2.3.1. Bảo vệ quyền đối với DLCN phải được đặt trong khuôn khổ sự lãnh đạo của Đảng và định hướng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam là cơ sở chính trị - lý luận cốt lõi định hướng cho sự chuyển dịch tư duy quản trị trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh.

2.2.3.2. Đặc điểm quản trị hành chính công và năng lực chuyển hoá chính sách (quy chế) của bộ máy của chính quyền cấp tỉnh

Khác với quy phạm pháp luật quốc gia mang tính công cụ bảo vệ, năng lực quản trị hành chính và kỹ năng cụ thể hóa chính sách của bộ máy chính quyền cấp tỉnh là yếu tố

thực tiễn tác động trực tiếp đến hiệu lực bảo vệ quyền trên địa bàn: (1). Độ trễ hành chính và năng lực ban hành văn bản thi hành; (2). Tâm lý công vụ và sự phân định ranh giới trách nhiệm; (3). Sự tương thích và tiệm cận với các chuẩn mực quản trị quốc tế (như GDPR).

2.2.3.3. Mức độ phát triển của hạ tầng công nghệ và các giải pháp an ninh dữ liệu

(1). Tính đồng bộ và chuẩn hóa của hạ tầng số địa phương; (2). Sự hiện diện của các giải pháp kỹ thuật bảo vệ cốt lõi; (3). Thách thức từ các công nghệ mới (AI, Big Data);

2.2.3.4. Trình độ chuyên môn, năng lực số và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức

Con người vừa là chủ thể vận hành hệ thống: (1). Năng lực số và kỹ năng an toàn thông tin; (2). Đạo đức công vụ và tính kỷ luật hành chính; (3). Văn hóa công sở và ý thức trách nhiệm giải trình.

2.2.3.5. Nguồn lực tài chính và đầu tư công cho an toàn thông tin:

(1). Tỷ lệ chi ngân sách cho an toàn thông tin; (2). Khả năng duy trì và nâng cấp hệ thống.

2.2.3.6. Nhận thức pháp lý, năng lực số của công dân và cơ chế giám sát, phản biện xã hội

(1). Nhận thức pháp lý và năng lực tự vệ số của chủ thể dữ liệu (Công dân); (2). Kênh thực thi và chi phí tuân thủ quyền; (3). Sự giám sát của các cơ quan dân cử, truyền thông và doanh nghiệp đối tác.

2.3. Pháp luật quốc tế và kinh nghiệm của một số nước về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số

2.3.1. Pháp luật quốc tế về bảo vệ quyền đối với DLCN

Trong pháp luật quốc tế về QCN, bảo vệ quyền đối với DLCN được hình thành và phát triển trên nền tảng của quyền về sự riêng tư, vốn được thừa nhận như một quyền cơ bản và có giá trị phổ quát. Các nội dung và phương thức gồm: (1). Bảo vệ bằng nguyên tắc “Tối thiểu hóa và giới hạn mục đích”; (2). Bảo vệ bằng cơ chế “Minh bạch hóa và quyền được biết”; (3). Bảo vệ bằng cơ chế “Tự quyết thông tin và quyền đồng ý”; (4). Bảo vệ bằng cơ chế “Can thiệp sâu vào vòng đời dữ liệu”; (5). Bảo vệ bằng giải pháp “Thiết kế hệ thống và Bảo mật mặc định”; (6). Bảo vệ bằng cơ chế “Kiểm soát dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới”; (7). Bảo vệ bằng chế tài “Tài phán, khiếu kiện và bồi thường thiệt hại”.

2.3.2. Pháp luật một số quốc gia điển hình về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số

2.3.2.1. Phân định giá trị pháp lý của các nguồn chuẩn mực quốc tế và khu vực liên quan

Công ước quốc tế ràng buộc pháp lý toàn cầu (như ICCPR): Xác lập các nghĩa vụ pháp lý quốc tế tối thượng về QCN và quyền riêng tư.

Điều ước quốc tế chuyên ngành (như Công ước 108 và Nghị định thư sửa đổi 108+ của Hội đồng Châu Âu): Là công ước quốc tế đa phương đầu tiên có tính ràng buộc pháp lý về bảo vệ dữ liệu, mở cho cả các quốc gia ngoài châu Âu tham gia.

Pháp luật khu vực (như GDPR của Liên minh Châu Âu): Là đạo luật mẫu có hiệu lực trực tiếp và ràng buộc pháp lý tại các quốc gia thành viên EU.

Các chuẩn mực quản trị và hướng dẫn mềm (như Khuyến nghị của OECD): Không mang tính ràng buộc pháp lý cưỡng chế, nhưng đóng vai trò định hình các nguyên tắc quản trị tốt.

2.3.2.2. Khảo sát mô hình pháp luật và cấu trúc quyền lực Trung ương - Địa phương của các quốc gia điển hình về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số

(1) Cộng hòa Liên bang Đức: Mô hình liên bang, án lệ hiến pháp và sự kết hợp GDPR - BDSG. Trong xây dựng chính quyền số, Đức gắn kết chặt chẽ với Luật Tiếp cận trực tuyến (OZG và OZG 2.0), coi bảo vệ dữ liệu là điều kiện cấu thành để kết nối công dịch vụ công liên thông giữa các cấp chính quyền.

(2) Trung Quốc: Mô hình tập trung quyền lực và “Bộ ba” luật dữ liệu an ninh quốc gia, gồm: Luật Bảo vệ Thông tin cá nhân (PIPL) kết hợp với Luật An ninh mạng (CSL) và Luật An ninh dữ liệu (DSL). PIPL có hẳn một chương riêng quy định về nghĩa vụ của cơ quan nhà nước khi xử lý dữ liệu phục vụ nhiệm vụ pháp định. (iii) *Cơ chế giám sát và chế tài:* Hệ thống cơ quan quản lý không gian mạng (CAC) điều phối tổng thể. Chế tài cực kỳ nghiêm khắc (phạt hành chính lên tới 50 triệu NDT hoặc 5% doanh thu năm trước đối với hành vi vi phạm nghiêm trọng).

(3) Liên bang Nga: Mô hình liên bang, nội luật hóa dữ liệu và liên thông liên ngành; Liên bang Nga kết hợp giữa quyền lực liên bang và các chủ thể liên bang. Quyền đòi tư được hiến định và Luật Liên bang. Việc cung cấp dịch vụ công và liên thông dữ liệu liên cơ quan được thực hiện qua Hệ thống tương tác điện tử liên ngành. Cơ quan giám sát chuyên trách Roskomnadzor thực hiện thanh tra, kiểm tra tuân thủ.

(4) Singapore: Mô hình Smart Nation, phân tách công - tư và đồng quy chuẩn mực. PDPA 2012 điều chỉnh khu vực tư nhân, trong khi khu vực công chịu sự điều chỉnh của Luật Chính phủ Điện tử và các chỉ thị của Văn phòng Dữ liệu Chính phủ; theo đó các nguyên tắc cốt lõi về bảo vệ quyền chủ thể được áp dụng tương đối nghiêm ngặt giữa khu vực công và khu vực tư. Cơ quan PDPC điều phối chung và áp dụng chế tài tài chính rất nặng (lên tới 10% doanh thu hoặc 1 triệu đô la Singapore).

(5) Thái Lan: Mô hình luật hợp nhất công - tư và nội luật hóa GDPR tại Đông Nam Á: Luật Bảo vệ DLCN (PDPA 2019) của Thái Lan được thiết kế như một đạo luật hợp nhất, áp dụng toàn diện, đồng bộ cho cả khu vực tư nhân lẫn các cơ quan nhà nước, bao gồm cả chính quyền địa phương và các tỉnh trưởng. Về cơ chế vận hành, được xem là bản “nội luật hóa” GDPR thành công tại khu vực. Đạo luật trao cho công dân đầy đủ các quyền năng

mạnh mẽ (truy cập, cải chính, phản đối, quyền được quên). Cơ quan tài phán độc lập PDPC giám sát việc thực thi; bắt buộc các cơ quan hành chính địa phương phải chỉ định DPO và thực hiện đánh giá tác động (DPIA). Chế tài xử phạt hành chính (lên tới 5 triệu Baht), trách nhiệm bồi thường dân sự (gấp đôi thiệt hại thực tế) và hình phạt hình sự (phạt tù lên đến 1 năm).

2.3.3. Những kinh nghiệm rút ra trong bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam

Bài học cho Việt Nam đó là cần bảo đảm sự tương thích và đồng bộ giữa Luật Bảo vệ DLCN với pháp luật chuyên ngành (Luật Lưu trữ, Luật Đất đai, Luật Căn cước). Ở cấp tỉnh, chính quyền cần chủ động ban hành các quy chế nội bộ, quy trình tác nghiệp chuẩn (SOP) để cụ thể hóa các quy định của trung ương phù hợp với thực tiễn quản lý địa phương. Các quốc gia đều yêu cầu các cơ quan, tổ chức xử lý dữ liệu phải có người phụ trách chuyên trách (DPO) và hệ thống tài liệu quản trị nội bộ chặt chẽ. Cấp tỉnh ở Việt Nam cần thể chế hóa rõ ràng mô hình DPO độc lập trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh. Bảo vệ dữ liệu không chỉ là văn bản hành chính mà phải được mã hóa vào hạ tầng kỹ thuật nhằm hiện thực hóa nguyên tắc liên thông dữ liệu an toàn nhưng vẫn kiểm soát được. Tăng cường thẩm quyền của Cơ quan chuyên trách bảo vệ DLCN; duy trì cơ chế thanh tra, kiểm tra chuyên ngành thường xuyên từ các cơ quan chuyên trách (như BfDI của Đức, Roskomnadzor của Nga, hay PDPC của Thái Lan, Singapore) kết hợp với các chế tài xử lý nghiêm minh

Tóm lại, cần xuyên suốt các mô hình quốc tế quyền đối với DLCN luôn được định vị là sự cụ thể hóa của quyền riêng tư và quyền tự quyết thông tin, lấy con người làm trung tâm trong mọi chiến lược phát triển chính quyền số.

Tiểu kết Chương 2

Chương 2 đã xây dựng cơ sở lý luận cho nghiên cứu bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh; khái quát các đặc điểm của bảo vệ quyền DLCN ở cấp tỉnh, gắn với bối cảnh dữ liệu được xử lý chủ yếu để giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đồng thời thường xuyên phát sinh hoạt động phối hợp liên ngành và liên thông dữ liệu. Về nội dung và phương thức bảo vệ, luận án đã hệ thống hóa các nhóm quyền của chủ thể dữ liệu và yêu cầu bảo đảm khả năng thực thi quyền trong môi trường số; nghĩa vụ của các chủ thể tham gia xử lý dữ liệu; và cơ chế bảo đảm thực thi. Phân tích nhóm yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả bảo vệ quyền DLCN. Nghiên cứu chuẩn mực pháp luật quốc tế và kinh nghiệm một số quốc gia để rút ra các gợi ý có giá trị tham khảo cho Việt Nam.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG BẢO VỆ QUYỀN ĐỐI VỚI DỮ LIỆU CÁ NHÂN TRONG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ CẤP TỈNH Ở VIỆT NAM

3.1. Khái quát chung thực trạng và các yếu tố tác động đến xây dựng chính quyền số cấp tỉnh liên quan đến DLCN

3.1.1. *Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển chính quyền số cấp tỉnh tại Việt Nam hiện nay*

Chính quyền số cấp tỉnh là bộ phận cấu phần hữu cơ, quyết định sự thành bại của chiến lược chuyển đổi số quốc gia. Hệ thống chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề này mang tính nhất quán, thúc đẩy đồng bộ cả lực lượng sản xuất số và quan hệ sản xuất số tại địa phương. Lấy người dân làm trung tâm; dữ liệu là tài nguyên; phát triển gắn liền với an toàn thông tin và bảo vệ quyền bảo mật dữ liệu của công dân.

3.1.2. *Thực trạng xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay*

Quy mô và tính chất nhạy cảm của DLCN tại chính quyền cấp tỉnh thời gian qua vừa là thành tựu lớn của chuyển đổi số, nhưng đồng thời cũng là nguồn rủi ro pháp lý cực lớn đối với QCN. Giúp chính quyền tỉnh tỉnh gọn bộ máy, ra quyết định quản trị dựa trên dữ liệu và cung cấp dịch vụ công siêu tốc. Kho dữ liệu chứa đựng toàn bộ bí mật đời tư của hàng triệu công dân sẽ trở thành mục tiêu cho các cuộc tấn công mạng, hoặc dễ dàng bị xâm phạm do sự bất cẩn, lạm dụng quyền tra cứu của đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở. Cần phải có phương thức bảo vệ quyền DLCN tại địa phương.

3.1.3. *Nhận diện các nguy cơ, thách thức đối với quyền DLCN trong môi trường số cấp tỉnh*

Qua nghiên cứu thực tiễn triển khai hành chính số, các nguy cơ và thách thức đối với quyền DLCN trong môi trường số cấp tỉnh là rõ ràng; chính quyền cấp tỉnh đang được trao cơ chế tối đa hóa việc thu thập dữ liệu để phục vụ mục tiêu quản lý và phát triển kinh tế, thì các công cụ pháp lý để người dân thực hiện quyền tự vệ trên thực tế lại rất yếu và mang tính hình thức. Đây chính là nút thắt thực trạng sâu sắc nhất cần phải giải quyết bằng các giải pháp đột phá về thể chế bảo đảm.

3.2. Thực trạng triển khai các nội dung, phương thức bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam

3.2.1. *Thực trạng quy định của pháp luật bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam*

3.2.1.1. *Thực trạng quy định về nội dung quyền đối với DLCN*

Quyền đối với DLCN dần được nhìn nhận như một bộ phận cấu thành của QCN, gắn với quyền riêng tư, quyền bất khả xâm phạm về đời sống cá nhân và quyền được bảo vệ nhân phẩm, danh dự của mỗi cá nhân. Trên phương diện lý luận QCN, quyền đối với DLCN không chỉ mang ý nghĩa bảo vệ cá nhân trước sự can thiệp tùy tiện của Nhà nước và các

chủ thể khác, mà còn thể hiện yêu cầu trao cho cá nhân khả năng kiểm soát thông tin về chính mình trong môi trường số hóa (thể hiện qua 6 nhóm quyền).

3.2.1.2. Thực trạng quy định về chủ thể bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam

Thời gian qua, mặc dù hệ thống văn bản được ban hành khá nhiều, nhưng thực trạng, phương thức thể chế và quy chế nội bộ tại cấp tỉnh vẫn tồn tại những nút thắt lớn như: (1) Tính hình thức, “sao chép nguyên bản” văn bản cấp trên; (2) Quy chế nội bộ chưa bắt kịp các công nghệ mới của Đô thị thông minh; (3) Sự lỏng lẻo trong quy chế ràng buộc với các nhà thầu công nghệ (Bên thứ ba). Thiếu các quy chế kỹ thuật, pháp lý nghiêm ngặt để giám sát, chế tài doanh nghiệp, dẫn đến nguy cơ dữ liệu công dân bị nhà thầu chiếm dụng ngầm.

3.2.1.3. Thực trạng thu thập, xử lý DLCN qua các nền tảng, cổng dịch vụ công cấp tỉnh

Thực tiễn xử lý DLCN trên các nền tảng dịch vụ công cấp tỉnh cho thấy những nguy cơ và rủi ro tấn công mạng và đánh cắp dữ liệu đang ngày càng gia tăng, xâm phạm nghiêm trọng đến DLCN và quyền đối với DLCN của chủ thể dữ liệu trong giai đoạn hiện nay. Báo cáo khảo sát an ninh mạng năm 2025 cho thấy các hệ thống thông tin tại Việt Nam phải đối mặt khoảng 552.000 cuộc tấn công mạng; 52,30% cơ quan, doanh nghiệp vẫn ghi nhận chịu những tổn thất do tấn công mạng.

3.2.2. Thực trạng tổ chức bộ máy và quản trị nhân sự, phân công trách nhiệm bảo vệ quyền đối với DLCN tại cơ quan cấp tỉnh

Trong quá trình triển khai chính quyền số ở cấp tỉnh giai đoạn 2020-2025, đa số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh đã hình thành các bộ phận liên quan đến vận hành hệ thống thông tin, chuyển đổi số, kiểm soát thủ tục hành chính hoặc cải cách hành chính. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai thời gian qua, phương thức bảo vệ quyền DLCN thông qua tổ chức bộ máy tại cấp tỉnh vẫn đang trong quá trình “vừa chạy vừa xếp hàng”, bộc lộ nhiều điểm bất cập về cả cấu trúc lẫn năng lực vận hành, bộ máy bảo vệ DLCN. Thực trạng này thể hiện rõ trên ba bình diện có tính cấu trúc: (i) Tổ chức đầu mối; (ii) Phân công trách nhiệm theo chuỗi xử lý dữ liệu; (iii) Cơ chế phối hợp, xử lý yêu cầu của chủ thể dữ liệu và ứng phó sự cố.

3.2.3. Thực trạng hạ tầng kỹ thuật, công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

Hạ tầng kỹ thuật và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin hành chính đã có bước phát triển đáng kể, cả về quy mô đầu tư lẫn mức độ bao phủ. Tuy nhiên, xét từ góc độ bảo vệ quyền đối với DLCN, thực trạng này cho thấy sự chênh lệch rõ rệt giữa mức độ mở rộng hệ thống xử lý dữ liệu và năng lực bảo vệ dữ liệu tương ứng, đặc biệt ở cấp địa phương, là nơi trực tiếp vận hành cổng dịch vụ công, hệ thống giải quyết thủ tục hành chính và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Nguy cơ rò rỉ dữ liệu do lỗi bảo mật Cloud tác động đến QCN; điều này trực tiếp xâm phạm quyền an toàn dữ liệu và quyền riêng tư của công dân, đẩy công dân vào rủi ro bị đe dọa, lừa đảo hoặc xúc phạm danh dự. Thực trạng này phản ánh sự thiếu hụt trong nghĩa vụ tuân thủ các chuẩn mực an toàn của cơ quan công quyền. Khi sự cố xảy ra, nếu chính quyền không có cơ chế cảnh báo tức thì cho công dân và không xác định được trách nhiệm bồi thường thiệt hại, cơ chế bảo vệ quyền sẽ bị đứt gãy.

3.2.4. Thực trạng về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm đóng vai trò then chốt trong việc bảo đảm quyền được bảo vệ và quyền được khắc phục hiệu quả khi DLCN bị xâm hại. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy năng lực kiểm soát và chế tài trong lĩnh vực này vẫn chưa theo kịp tốc độ mở rộng của chính quyền số, đặc biệt ở cấp tỉnh - nơi trực tiếp phát sinh phần lớn các hoạt động xử lý dữ liệu.

3.2.5. Thực trạng tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, người dân và xã hội về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

Phương thức tuyên truyền tại các tỉnh thời gian qua cho thấy chúng ta đang gặt hái được những kết quả, nhưng chưa đạt được chiều sâu về “chất”. Người dân tham gia vào chính quyền số ở thể “thụ động”, giao nộp dữ liệu vì bắt buộc phải làm để giải quyết thủ tục hành chính, chứ chưa thực sự hiểu rõ dữ liệu của mình được bảo vệ ra sao; thiếu “niềm tin số”.

3.2.6. Thực trạng ký kết hợp đồng, ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa UBND tỉnh với các tập đoàn công nghệ (bên thứ ba) khi thuê hạ tầng đám mây (Cloud) hoặc mua giải pháp phần mềm hành chính công

Trong bối cảnh nguồn ngân sách và nhân lực kỹ thuật nội tại còn hạn chế, các cấp chính quyền chủ yếu lựa chọn mô hình “Thuê dịch vụ CNTT” hoặc hợp tác chiến lược với các tập đoàn công nghệ lớn, như VNPT, Viettel, FPT... để xây dựng hạ tầng đám mây (Cloud), Cổng dịch vụ công và Trung tâm điều hành thông minh (IOC). Phương thức hợp tác này giúp địa phương tăng tốc chuyển đổi số, nhưng lại đặt ra những thách thức chưa từng có trong việc kiểm soát liên thông, chia sẻ dữ liệu và bảo vệ quyền DLCN của người dân trước bên thứ ba.

3.3. Đánh giá thực trạng về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

3.3.1. Kết quả đạt được về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam

3.3.1.1. Pháp luật về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh đã dần hoàn thiện và phù hợp với thực trạng hoạt động này ở Việt Nam

Vấn đề bảo vệ DLCN, an toàn thông tin không còn là nội dung thứ yếu mà đã được luật hóa, lồng ghép trực tiếp vào Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của tỉnh và làm tiêu chí bắt buộc để chấm điểm chỉ số cải cách hành chính, chuyển đổi số.

3.3.1.2. Bước đầu quyền tiếp cận, tra cứu và cải chính thông tin của công dân được thực hiện

Thông qua ứng dụng VNeID, chính quyền các tỉnh đã cung cấp cho người dân công cụ để chủ động đối soát dữ liệu của chính mình. Khi phát hiện sai lệch thông tin cá nhân (về hộ tịch, cư trú, đất đai...), quy trình tiếp nhận và xử lý yêu cầu cải chính dữ liệu của công dân tại bộ phận “Một cửa” đã được vận hành nhanh chóng, minh bạch theo thời gian thực.

3.3.1.3. Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng công nghệ và hình thành mô hình bảo mật dữ liệu nhiều lớp đã góp phần bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

Việc ứng dụng và cập nhật liên tục các công nghệ bảo mật dữ liệu đã trở thành một kết quả nổi bật, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ quyền đối với DLCN. Mặc dù mức độ hiện đại hóa còn khác nhau giữa các địa phương, nhưng những ứng dụng công nghệ bảo mật đã được thực hiện thường xuyên và cập nhật theo xu hướng mới, tạo nền tảng kỹ thuật quan trọng để bảo vệ quyền đối với DLCN trong vận hành chính quyền số.

3.3.1.4. Nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, người dân trong bảo vệ quyền đối với DLCN đã được nâng cao

Nội dung an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và bảo vệ DLCN được lồng ghép vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở trung ương và địa phương; góp phần hình thành ý thức trách nhiệm trong việc thu thập, xử lý và sử dụng DLCN của người dân khi thực hiện nhiệm vụ.

3.3.1.5. Về phương thức bảo đảm các quyền thực chất của chủ thể dữ liệu

Đây là phương thức cốt lõi nhằm chuyển hóa các quy định pháp lý mang tính tuyên ngôn thành các tiện ích thực tế, giúp người dân thực thi “chủ quyền dữ liệu” của mình trong mối quan hệ với cơ quan công quyền địa phương.

3.3.1.6. Hoạt động phản hồi và xử lý vi phạm liên quan đến DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh được triển khai nhanh chóng, kịp thời

Cơ quan quản lý nhà nước đã tăng cường thanh tra, kiểm tra an toàn thông tin và xử lý các hành vi xâm phạm DLCN, đặc biệt đối với các hành vi thu thập, sử dụng hoặc mua bán dữ liệu trái phép. Một số vụ việc vi phạm quy mô lớn được phát hiện và xử lý cho thấy năng lực phản ứng của cơ quan chức năng đã được cải thiện, góp phần nâng cao hiệu quả răn đe và bảo vệ quyền đối với DLCN.

3.3.1.7. Về phương thức hợp tác và kiểm soát dòng chảy dữ liệu bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh thời gian qua

Hợp tác công - tư thông qua thuê dịch vụ CNTT và hạ tầng điện toán đám mây (Cloud) là tất yếu. Thời gian qua, chính quyền cấp tỉnh đã có những bước tiến quan trọng trong việc chuyển đổi tư duy, từ chỗ “khoán trắng” hệ thống cho nhà thầu sang việc xác lập cơ chế kiểm soát có chủ quyền đối với dòng chảy dữ liệu, bảo vệ quyền đối với DLCN của công dân trước sự tiếp cận của bên thứ ba.

3.3.2. Nguyên nhân kết quả đạt được về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam

Nhờ sự cộng hưởng đồng bộ giữa hai nhóm yếu tố: Kỹ thuật công nghệ và mệnh lệnh thể chế. Hệ thống 7 phương thức này đã vận hành như một bộ máy khép kín, giúp chính quyền địa phương vừa khai thác tốt tài nguyên số phục vụ phát triển, vừa đảm bảo an toàn chủ quyền dữ liệu. Tuy nhiên, các nguyên nhân thành công này chủ yếu mới giải quyết được bài toán bảo vệ từ phía Nhà nước.

3.3.3. Những hạn chế, nguyên nhân hạn chế về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam

3.3.3.1. Hạn chế về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam

Thứ nhất, hạn chế trong hoàn thiện thể chế, pháp lý và quy chế nội bộ. *Thứ hai*, hạn chế trong tổ chức bộ máy và quản trị nhân sự. *Thứ ba*, hạn chế trong áp dụng biện pháp kỹ thuật và công nghệ. *Thứ tư*, hạn chế trong công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. *Thứ năm*, hạn chế trong bảo vệ quyền thực chất của chủ thể dữ liệu. *Thứ sáu*, hạn chế trong công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức xã hội. *Thứ bảy*, hạn chế trong hợp tác và kiểm soát dòng chảy dữ liệu.

3.3.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam

Thứ nhất, nguyên nhân khách quan: (1). Sự bất cập và xung đột pháp lý từ cấp Trung ương; (2). Tốc độ phát triển siêu tốc của công nghệ số; (3). Tính chất ảm đạm của thị trường “chợ đen” xuyên biên giới.

Thứ hai, nguyên nhân chủ quan: Thể chế và quy chế nội bộ; tổ chức bộ máy và nhân sự; biện pháp kỹ thuật và công nghệ; công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; bảo đảm quyền thực chất của công dân; công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của công dân; hợp tác và kiểm soát dòng chảy dữ liệu

Tiểu kết Chương 3

Dữ liệu của công dân đang được tập trung với tốc độ rất cao bằng các mệnh lệnh hành chính, nhưng các công cụ pháp lý và kỹ thuật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người dân lại đang vận hành ở tốc độ rất thấp. Chính quyền số cần xây dựng “niềm tin số” đối với chủ thể dữ liệu. Đây là căn cứ để đưa ra các định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở chương tiếp theo của luận án.

CHƯƠNG 4

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO VỆ QUYỀN ĐỐI VỚI DỮ LIỆU CÁ NHÂN TRONG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ CẤP TỈNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Dự báo bối cảnh và các yếu tố tác động đến bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh trong thời gian tới

4.1.1. Những yếu tố tác động tích cực

4.1.1.1. Yếu tố cộng hưởng từ sự hoàn thiện và thực thi của Luật Bảo vệ DLCN

Luật Bảo vệ DLCN chính thức đi vào cuộc sống tạo ra một hành lang pháp lý tối cao, đồng bộ; Nghị định số 356/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ DLCN đã tháo gỡ hoàn toàn các nút thắt chông chéo với các luật chuyên ngành. Đây là khung pháp lý vững chắc để các địa phương cụ thể hóa quy chế nội bộ.

4.1.1.2. Yếu tố từ sự hoàn thiện và bao phủ tuyệt đối của hạ tầng định danh số (Đề án 06), xác thực điện tử (VNeID) và chuẩn hóa chia sẻ dữ liệu dùng chung

Tính đến đầu năm 2026, Đề án 06 đã hoàn thành mục tiêu số hóa cơ bản với việc phủ sóng tài khoản định danh điện tử VNeID đến hơn 85% công dân trưởng thành tại Việt Nam, tích hợp sâu vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của 34 tỉnh, thành phố. Sự phát triển đồng bộ này giúp chuẩn hóa dòng chảy dữ liệu “gốc”, giảm thiểu việc công dân phải nộp bản giấy hay khai báo lặp đi lặp lại dữ liệu thô tại bộ phận Một cửa.

4.1.1.3. Năng lực an toàn thông tin mạng và chuẩn hóa quản trị bảo mật trong cơ quan nhà nước ngày càng được nâng cao

An toàn thông tin tại các địa phương có sự chuyển biến mạnh mẽ từ mô hình ‘phòng thủ thụ động’ sang “bảo vệ chủ động 4 lớp” theo chỉ đạo của Bộ KHCN. Xu hướng tăng đầu tư thể hiện rõ ở việc các tỉnh hoàn thành phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin (đạt tỷ lệ trên 90% hệ thống lỗi vào năm 2025)

4.1.1.4. Phát triển nguồn nhân lực số và năng lực quản trị dữ liệu ở địa phương

Trong xây dựng chính quyền số, các địa phương kiện toàn bộ máy theo hướng hình thành các vị trí chuyên trách về an toàn thông tin và bảo vệ DLCN. Việc đào tạo, tập huấn chứng chỉ an toàn thông tin cho đội ngũ công chức trực tiếp xử lý hồ sơ tại cấp cơ sở giúp giảm thiểu rủi ro lộ lọt dữ liệu do lỗi vô ý.

4.1.1.5. Hợp tác công - tư và khả năng tiếp cận công nghệ bảo vệ dữ liệu hiện đại

Xu hướng hợp tác công - tư trong triển khai nền tảng chính quyền số được dự báo tiếp tục gia tăng do nhu cầu rút ngắn thời gian triển khai và tận dụng năng lực công nghệ của doanh nghiệp.

4.1.2. Những yếu tố tác động tiêu cực

Trong những năm tới, xây dựng chính quyền số ở cấp tỉnh sẽ tiếp tục tăng tốc, bởi dịch vụ công trực tuyến mở rộng, dữ liệu được số hóa và liên thông sâu hơn, nhiều quyết định quản trị dựa trên phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Tuy nhiên, đi cùng

với lợi ích về tiện lợi và hiệu quả là những rủi ro mới đối với QCN trong môi trường số, đặc biệt là quyền đối với DLCN, như: trí tuệ nhân tạo; liên thông và tái sử dụng dữ liệu vượt mục đích; năng lực tổ chức, nhân lực; chuỗi cung ứng; gia tăng khoảng cách về năng lực bảo mật lộ lọt dữ liệu cá nhân trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

4.2. Quan điểm bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam

4.2.1. Bảo vệ quyền đối với DLCN phải là nguyên tắc cốt lõi trong bảo đảm QCN, QCD trong môi trường số

Mọi chính sách và ứng dụng công nghệ cấp tỉnh phải lấy con người làm trung tâm; chuyển đổi triệt để từ tư duy quản lý dữ liệu để phục vụ công vụ sang tư duy quản trị dữ liệu để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân”

4.2.2. Bảo vệ quyền đối với DLCN là điều kiện tiên quyết để tạo dựng “niềm tin số” và bảo đảm sự phát triển bền vững của Chính quyền số

Bảo vệ DLCN không phải là lực cản hay chi phí phát sinh của sự phát triển, mà là bộ đỡ hạ tầng tâm lý và pháp lý vững chắc. Chỉ khi công dân yên tâm rằng thông tin nhân thân của mình không bị lạm dụng, theo dõi hay rò rỉ, họ mới chủ động chuyển sang tương tác trên môi trường số và trở thành chủ thể đồng kiến tạo dữ liệu cùng chính quyền địa phương.

4.2.3. Khai thác dữ liệu để phát triển kinh tế - xã hội phải bảo đảm sự cân bằng hợp lý với nghĩa vụ bảo vệ quyền riêng tư của công dân

Quyền đối với DLCN không phải là một quyền tuyệt đối mà có thể bị giới hạn theo luật định vì lợi ích công cộng và an ninh quốc gia. Khai thác dòng chảy dữ liệu phục vụ quản trị và phát triển kinh tế số phải luôn song hành với các biện pháp bảo vệ quyền tương xứng.

4.2.4. Bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân phải chuyển dịch mạnh mẽ sang tư duy “tiếp cận rủi ro” và lấy “phòng ngừa chủ động” làm chính

Bảo vệ DLCN phải đi trước một bước, chủ động nhận diện, đánh giá và triệt tiêu các rủi ro tiềm ẩn đối với QCN ngay từ khâu thiết kế hệ thống và trong suốt vòng đời xử lý dữ liệu.

4.2.5. Thẩm quyền quản trị dữ liệu của cơ quan nhà nước phải gắn liền với trách nhiệm giải trình và nghĩa vụ công khai, minh bạch

Với vai trò vừa là Bên kiểm soát vừa là Bên xử lý dữ liệu quy mô lớn, chính quyền cấp tỉnh phải chuyển nghĩa vụ tuân thủ pháp luật từ “cam kết bị động” sang “chứng minh chủ động” với những bằng chứng kỹ thuật và pháp lý cụ thể. Mọi hành vi xử lý dữ liệu vượt quá mục đích hoặc gây rò rỉ dữ liệu phải được làm rõ trách nhiệm công vụ và chịu sự giám sát công khai.

4.2.6. Bảo vệ quyền đối với DLCN phải bảo đảm tính thống nhất thể chế toàn quốc, nhưng linh hoạt và phù hợp với đặc thù phát triển địa phương

Tiêu chuẩn bảo vệ quyền DLCN do cấp Trung ương quy định là thống nhất và tối thượng, các quy chế nội bộ của cấp tỉnh không được phép trái hoặc hạ thấp các chuẩn mực này. Tuy nhiên, quá trình thực thi phải có lộ trình phân kỳ hợp lý, linh hoạt tương ứng với trình độ hạ tầng, tiềm lực ngân sách và mức độ sẵn sàng số của từng địa phương.

4.2.7. Xây dựng hệ thống bảo vệ quyền dữ liệu cấp tỉnh phải chủ động tiếp cận và nội hóa các chuẩn mực quốc tế tiên tiến

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và thu hút đầu tư chất lượng cao đối với các dự án nước ngoài (FDI), chính quyền cấp tỉnh phải chủ động tham chiếu, tích hợp các nguyên tắc quản trị dữ liệu tiên tiến trên thế giới (như GDPR) vào thực tiễn địa phương.

4.3. Giải pháp về bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam

4.3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện thể chế pháp luật và quy chế nội bộ cấp tỉnh trong bảo vệ quyền đối với DLCN

(1). Tham mưu, kiến nghị Trung ương ban hành các thông tư hướng dẫn tháo gỡ các điểm chồng chéo, cấp cập giữa Luật Bảo vệ DLCN và các luật chuyên ngành (2). Ban hành Quy trình tác nghiệp hành chính nội bộ về bảo vệ DLCN áp dụng bắt buộc đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức địa phương. (3). Ban hành Quy chế quản lý, vận hành nội bộ hệ thống Giám sát đô thị thông minh (IOC) và cơ chế báo cáo Đề án thí điểm trình cấp có thẩm quyền.

4.3.2. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực tổ chức bộ máy, quản trị nhân sự thực thi pháp luật trong bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

(1). Xây dựng mô hình tổ chức Bộ phận chuyên trách Bảo vệ dữ liệu và cơ chế DPO cấp tỉnh; bảo đảm tính độc lập chuyên môn trong khuôn khổ chế độ thủ trưởng. (2). Đánh giá nguồn nhân lực, chi phí vận hành và khả năng áp dụng phân kỳ giữa các địa phương

4.3.3. Nhóm giải pháp về thể chế hóa nghĩa vụ năng lực kỹ thuật và trách nhiệm pháp lý trong bảo vệ quyền đối với DLCN trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh

(1). Quy định bắt buộc về thẩm định rủi ro, kiểm toán an ninh định kỳ và cá thể hóa trách nhiệm phê duyệt hệ thống. (2). Thể chế hóa nghĩa vụ minh bạch sự cố và quyền được thông báo tức thì của công dân. (3). Chuẩn hóa nghĩa vụ giải trình và cơ chế ghi vết không thể sửa xóa phục vụ bồi thường thiệt hại. (4). Luật hóa Giao diện tương tác quyền công dân - Biến quyền lý luận thành công cụ kỹ thuật.

4.3.4. Nhóm giải pháp về thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phân định hệ thống trách nhiệm pháp lý trong bảo vệ quyền đối với DLCN

(1). Thiết lập cơ chế kiểm tra liên ngành độc lập, định kỳ và đột xuất. (2). Phân định rành mạch các loại hình trách nhiệm pháp lý và căn cứ quy trách nhiệm cho người đứng đầu

4.3.5. Nhóm giải pháp về bảo đảm các quyền thực chất của chủ thể dữ liệu dựa trên phân loại Căn cứ pháp lý xử lý dữ liệu

(1). Phân loại 03 nhóm căn cứ pháp lý xử lý dữ liệu và cấu trúc quyền năng tương ứng của công dân: *Nhóm 1*: Xử lý dữ liệu phục vụ thực thi nhiệm vụ, thẩm quyền do luật định. *Nhóm 2*: Xử lý dữ liệu phục vụ nghĩa vụ lưu trữ lịch sử và hồ sơ công vụ. *Nhóm 3*: Xử lý dữ liệu dựa trên sự đồng ý tự nguyện của công dân.

(2). Quy trình hành chính - kỹ thuật chuẩn hoá xử lý yêu cầu thực thi quyền của công dân và giải quyết các xung đột pháp lý: *Bước 1* - Tiếp nhận và định danh chủ thể; *Bước 2* - Thẩm định điều kiện qua Bộ lọc Căn cứ pháp lý; *Bước 3* - Thực thi kỹ thuật và phản hồi kết quả.

4.3.6. Nhóm giải pháp đổi mới công tác giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực tự vệ pháp lý cho chủ thể dữ liệu

(1). Tái cấu trúc khung nội dung truyền thông: Chuyển từ hướng dẫn thao tác kỹ thuật sang giáo dục quyền năng và kỹ năng tự vệ pháp lý.

(2). Phân hóa phương thức truyền thông theo nhóm đối tượng mục tiêu: (i) Đối với nhóm yếu thế và dân cư vùng nông thôn, miền núi; (ii) Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp xử lý hồ sơ; (iii) Đối với nhóm học sinh, sinh viên và thanh thiếu niên.

(3). Xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả truyền thông (KPIs) dựa trên khảo sát thực nghiệm và phản hồi xã hội: (i) Chỉ số nhận thức pháp lý của Công dân; (ii). Mức độ chủ động thực thi quyền tự vệ; (iii). Tỷ lệ vụ việc vi phạm giảm thiểu.

4.3.7. Nhóm giải pháp về quản trị dòng chảy dữ liệu và hợp tác công - tư và kinh nghiệm quốc tế

(1). Chuẩn hóa khung hợp đồng công - tư: Phân định rạch ròi địa vị pháp lý và ràng buộc nghĩa vụ đối với Nhà thầu: (i) Phân định chính xác địa vị pháp lý của các chủ thể; (ii) Chuyển hóa quy chế kiểm soát kỹ thuật thành các phạm trù nghĩa vụ hợp đồng;

(2). Quản trị hạ tầng điện toán đám mây (Cloud) dựa trên phân loại cấp độ dữ liệu và đánh giá rủi ro an ninh: (i) Đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu nhạy cảm công quyền (Hộ tịch, căn cước, đất đai, tài chính); (ii) Đối với dữ liệu dịch vụ công dùng chung, dữ liệu không nhạy cảm; (iii) Kiểm soát chặt chẽ cơ chế chuyển dữ liệu xuyên biên giới.

(3). Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về quản trị dòng chảy dữ liệu.

5. Lộ trình thực hiện các giải pháp bảo đảm quyền đối với DLCN (Đến năm 2030)

Giai đoạn 1: Chuẩn hóa thể chế nội bộ, quy trình kỹ thuật và tối ưu bộ máy (2026 - 2027); **Giai đoạn 2:** Số hóa quy trình kiểm soát chủ động và quản trị hợp tác công - tư (2028 - 2029); **Giai đoạn 3:** Nâng cấp hạ tầng an toàn, thu hẹp khoảng cách số và kiến nghị hoàn thiện thể chế quốc gia (Đến năm 2030).

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Giải pháp được đề xuất trong Chương 4 không vận hành biệt lập mà gắn kết chặt chẽ, biện chứng với nhau tạo thành một chỉnh thể quản trị dữ liệu liên chính, đồng bộ và nhân văn. Hệ thống giải pháp này vừa giải quyết được các nút thắt thực tiễn mang tính cấp bách

của các địa phương, vừa đóng góp một mô hình lý luận toàn diện cho khoa học pháp lý về QCN trong kỷ nguyên số tại Việt Nam.

KẾT LUẬN

Công trình nghiên cứu “Bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay” là một nỗ lực khoa học nghiêm túc nhằm giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa phát triển công nghệ quản trị hành chính và bảo đảm QCN, QCD trong không gian số. Qua quá trình nghiên cứu lý luận, khảo sát thực tiễn và định hình hệ thống giải pháp, luận án rút ra những kết luận tổng quát sau: *Thứ nhất*, về mặt lý luận khoa học pháp lý; *Thứ hai*, về mặt đánh giá thực trạng thực thi tại địa phương; *Thứ ba*, về hệ thống giải pháp đề xuất. *Thứ tư*, đóng góp mới và ý nghĩa khoa học của Luận án.

Bảo vệ quyền đối với DLCN không phải là điểm kết thúc của sự phát triển, mà chính là chìa khóa mở ra cánh cửa của sự phát triển bền vững, nơi công nghệ được sinh ra để bảo vệ và thúc đẩy các giá trị cao quý của con người.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

[1]. Cao Nguyên Hùng: “Thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân trong xây dựng chính quyền số cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Pháp luật về Quyền Con người”, số 51 (12/2025).

[2]. Cao Nguyên Hùng: “Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong xây dựng chính quyền số - Kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu và gợi mở cho Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 23/01/2026.

[3]. Cao Nguyên Hùng: “Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong Liên minh châu Âu và kinh nghiệm với Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 01/3/2026.